

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2020/HSPT

Ngày: 04 - 05 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Long

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Xuân Thành

Ông Nguyễn Cường

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ T Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quang Hiệp - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 124/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **02/2020/HS-ST** ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***Các bị cáo có kháng cáo:***

1 - Nguyễn Xuân S (T), sinh ngày 06 tháng 05 năm 1988 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Xuân H (sinh năm 1954) và bà Nguyễn Thị C (chết); gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; có vợ Võ Thị N D (đã ly thân) và 01 con sinh năm 2010; Tiền án: Chưa;

***Tiền sự:***

+ Ngày 18/8/2015, bị Tòa án nhân dân quận H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng. (Quyết định số: 75/QĐ-TA ngày 18/8/2015 – Chấp hành xong ngày 22/7/2016).

+ Ngày 20/9/2016, bị Tòa án nhân dân quận H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng. (Quyết định số: 71/QĐ-TA ngày 20/9/2016 – Chấp hành xong ngày 04/8/2017).

*Nhân thân:*

+ Ngày 11/01/2006, bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 (Bản án số: 79/2006/HS-ST ngày 11/01/2006 – ra trại ngày 12/4/2008).

+ Ngày 21/11/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận T đình chỉ điều tra bị can: Miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 25 Bộ luật Hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt vào ngày 21/6/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng; Có mặt tại phiên tòa.

2 - Hoàng Trọng S, sinh ngày 23 tháng 08 năm 1994 tại Lâm Đồng. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Hoàng Xuân P (sinh năm 1963) và bà Đinh Trần Thị Diệu H (chết); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Bảo Quỳnh D (không đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị bắt vào ngày 20/6/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3 - Nguyễn Bảo Quỳnh D, sinh ngày 20 tháng 06 năm 1996 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1964) và bà Nguyễn Thị Bích L (sinh năm 1968); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; chung sống như vợ chồng với Hoàng Trọng S (không đăng ký kết hôn); Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị bắt vào ngày 20/6/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng; Có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa:***

- Luật sư Chế Giang S, Công ty luật TNHH MTV N, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân S, Có mặt.

- Luật sư Lê Hữu P, Công ty luật TNHH MTV H, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Hoàng Trọng S, Có mặt.

- Luật sư Ông Quốc C, Công ty luật TNHH MTV H, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho Nguyễn Bảo Quỳnh D, Có mặt.

***- Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Mỹ N không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:***

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19h ngày 20.6.2019, tại trước số nhà 24/1B đường T S, thành phố Đà Nẵng. Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Mỹ N đang có hành vi cất giấu ma túy trong túi xách mà N đang đeo, thu giữ 01 gói ny lông, bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu A).

Vào lúc 22h10 ngày 20.6.2019, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra tại số nhà K22/7 P, thành phố Đà Nẵng, phát hiện tại phòng ngủ có 01 va ly màu đen bên trong có ma túy và phát hiện bắt quả tang Nguyễn Bảo Quỳnh D đang có hành vi cất giấu ma túy trong túi xách đen mà D đang đeo trên người. Thu giữ:

- 01 gói ny long KT (10x15)cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng. D khai ma túy đá (ký hiệu Ba).

- 01 gói ny long KT (10x15)cm, bên trong chứa 05 gói ny long gồm: 02 gói ny long chứa tổng cộng 118 viên nén màu cam (ký hiệu Bb) và 03 gói ny long bên trong mỗi gói chứa tinh thể trắng (ký hiệu Bc). D khai ma túy thuốc lắc và ma túy đá.

- 07 gói ny long KT (5x10)cm bên trong mỗi gói chứa tinh thể trắng. D khai đây là ma túy đá (ký hiệu B1).

Vào lúc 22h30 ngày 20.6.2019, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phối kiểm tra phòng 201, căn hộ mini livin A part ment, số 18 H, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Hoàng Trọng S có hành vi cất giấu ma túy trong ống nhựa màu trắng có đường kính 01cm, chiều dài 07cm ở trong phòng vệ sinh của căn hộ. Thu giữ: 01 ống nhựa màu trắng có đường kính 01cm, chiều dài 07cm hình dạng trụ tròn bịt kín hai đầu bên trong có chứa các tinh thể màu trắng (ký hiệu C).

Vào lúc 8h10 ngày 21.6.2019, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Xuân S.

Quá trình điều tra Nguyễn Xuân S, Hoàng Trọng S, Nguyễn Bảo Quỳnh D, Nguyễn Mỹ N thành khẩn khai báo, xác định được nội dung như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 2.2019 đến 20.6.2019, Nguyễn Xuân S đã 04 lần mua ma túy của các đối tượng: nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) ở quận S, thành phố Đà Nẵng và T (*không rõ lai lịch*) ở thành phố Hồ Chí Minh về đưa cho Hoàng Trọng S cất giấu bán lại kiếm lời. Cụ thể như sau:

**Lần 1:** Vào khoảng tháng 2.2019, Nguyễn Mỹ N sử dụng điện thoại số 0906152512 gọi điện cho Nguyễn Xuân S số 0931.900.155 hỏi mua 01gam ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 1.200.000đ và hẹn đến đường N, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc mua bán. S liên hệ với một nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) hỏi mua nửa hộp năm ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 1.500.000đ và hẹn đến đường Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc mua bán. Sau khi lấy ma túy, S chia làm 02 gói, 01 gói S dùng để sử dụng, 01 gói S mang giao cho N lấy 1.200.000đ. Số ma túy trên N và S đã sử dụng hết.

**Lần 2:** Vào khoảng tháng 4.2019, Nguyễn Xuân S liên lạc với đối tượng tên T (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) hỏi mua 01kg ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 250.000.000đ (*mua nợ*) và hẹn giao ma túy tại Đà Nẵng. Sau đó, có 01 nam thanh niên (*chưa rõ lai lịch*) liên lạc với S bảo ra đường H, thành phố Đà Nẵng nhận ma túy. Sau khi nhận ma túy, S mang về đưa cho Hoàng Trọng S cất giữ. Lúc này có Nguyễn Mỹ N sử dụng điện thoại số 0906152512 gọi điện cho Nguyễn Xuân Sang số 0899863258 hỏi mua nửa hộp năm ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 1.800.000đ. S nhắn tin số điện thoại N qua cho S bảo S đi giao ma túy. S sử dụng điện thoại số 0708050663 gọi cho N và hẹn đến đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng để giao ma túy. S mang ma túy đến giao cho N và lấy 1.800.000đ. Số ma túy còn lại S, S vừa sử dụng vừa bán cho các đối tượng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (*không nhớ cụ thể bán cho ai*) với giá: 300.000đ/gam. Số ma túy trên đã bán và sử dụng hết. S đã trả cho T 250.000.000đ (*khoảng hai ngày sau khi nhận ma túy, T ra Đà Nẵng gặp S lấy tiền*).

**Lần 3:** Vào khoảng đầu tháng 6.2019, Nguyễn Xuân S liên lạc với đối tượng tên T (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) hỏi mua 200 viên ma túy thuốc lắc và 03 hộp mười ma túy Ketamin, hai bên thỏa thuận giá 220.000đ/viên thuốc lắc, 6.500.000đ hộp Ketamin, hẹn giao tại thành phố Hồ Chí Minh. S vào thành phố Hồ Chí Minh gặp T tại quán cà phê (*không rõ địa chỉ ở quận 1*), lấy ma túy rồi đưa cho T 63.500.000đ. Sau đó, S mang ma túy về Đà Nẵng đưa cho Hoàng Trọng S cất giữ. S, S đã sử dụng hết 82 viên còn 118 viên và 03 gói Ketamin S đưa cho Nguyễn Bảo Quỳnh D mang về số nhà K22/7 P, thành phố Đà Nẵng cất giấu vào ngày 20.6.2019 thì bị bắt quả tang.

**Lần 4:** Vào ngày 17.6.2019, Nguyễn Xuân S liên lạc với đối tượng tên T (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) hỏi mua 1kg ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 250.000.000đ (*mua nợ*) và hẹn giao ma túy tại Đà Nẵng. Đến trưa ngày 20.6.2019, có 01 đối tượng tên Nam (*chưa rõ lai lịch*) liên lạc với S bảo ra đường Hoàng Văn Thái, thành phố Đà Nẵng nhận ma túy. S đi ra nhận ma túy và đưa trước cho người này số tiền 150.000.000đ. S mang ma túy về 45 Tôn Đức Thắng, thành phố Đà Nẵng và liên lạc với Hoàng Trọng S bảo S đến mang ma túy về cất giữ. S điều khiển xe mô tô BKS: 43G1-007.38 mang số ma túy trên về phòng 201, căn hộ mini livin A part ment, số 18 H, thành phố Đà Nẵng phân chia thành 09 gói (*01 gói 01 lạng*), S bỏ một ít ma túy vào trong ống nhựa cất giấu trong nhà vệ sinh, số ma túy còn lại S bỏ vào 01 gói ny long. Sau đó, có đối tượng tên B (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) gọi điện cho S hỏi mua 02 lạng ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 60.000.000đ (*mua nợ*), S liên lạc với S bảo S đi giao ma túy cho B. S điều khiển xe mô tô BKS: 43G1-007.38 mang theo 09 gói ma túy (*01 gói 01 lạng*) về số nhà K22/7 P, thành phố Đà Nẵng, S bỏ 07 gói ma túy vào va ly màu đen cất giấu trong phòng ngủ của S và D. S tiếp tục mang 02 lạng ma túy đi giao cho B (*không rõ nhân thân lai lịch*) ở gần khu vực chung cư P, thành phố Đà Nẵng. Đến khoảng 19h cùng ngày, Nguyễn Mỹ N sử dụng điện thoại số 0906152512 gọi cho Nguyễn Xuân S số 0899863258 hỏi mua nửa hộp ma túy đá, hai bên thỏa thuận giá 1.800.000đ, sau đó S nhắn tin cho N qua giao nhận ma túy. S mang ma túy đến giao cho N và lấy 1.800.000đ. Sau khi nhận ma túy N bỏ vào túi xách đeo trên người, điều

kiểm xe mô tô BKS: 43C1-703.42 đi đến trước số nhà 24/1B đường T S, thành phố Đà Nẵng thì bị bắt quả tang.

Khoảng 22h cùng ngày, sợ bị phát hiện nên S bảo Nguyễn Bảo Quỳnh D mang 118 viên thuốc lắc và 03 gói Ketamin (S đưa lần 3) và 01 gói ma túy đá mang về số nhà K22/7 P, thành phố Đà Nẵng cất giấu. D biết S mua bán ma túy nhưng vẫn đồng ý giúp. D điều khiển mô tô BKS 43G1-007.38 mang số ma túy trên về đến số nhà K22/7 P, thành phố Đà Nẵng thì bị bắt quả tang. Số ma túy còn lại S để trong ống nhựa cất giấu trong nhà vệ sinh của phòng 201, căn hộ mini livin A part ment, số 18 H, thành phố Đà Nẵng cũng bị thu giữ khi bắt quả tang Hoàng Trọng S.

Tại Kết luận giám định số: 178/GĐ-MT ngày 25.6.2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Đà Nẵng; Kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng trong gói niêm phong Ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin; khối lượng mẫu tinh thể A: 2,228 gam.

Tại Kết luận giám định số: 179/GĐ-MT ngày 28.6.2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Đà Nẵng. Kết luận:

- Tinh thể rắn màu trắng ký hiệu Ba và B1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin; khối lượng mẫu Ba: 74,861 gam; mẫu B1: 689,54 gam.

- Viên nén màu cam ký hiệu Bb gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu Bb: 43,118 gam.

- Tinh thể rắn màu trắng ký hiệu Bc gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu Bc: 16,019 gam.

Tại Kết luận giám định số: 180/GĐ-MT ngày 27.6.2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Đà Nẵng. Kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong Ký hiệu C gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin; khối lượng mẫu tinh thể 0,440 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số **02/2020/HS-ST** ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân S, Hoàng Trọng S, Nguyễn Bảo Quỳnh D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

- Căn cứ: Điểm h khoản 4,5 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Nguyễn Xuân S tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 21/6/2019. Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân S số tiền 20.000.000 đồng.

- Căn cứ: Điểm h khoản 4,5 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Hoàng Trọng S tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 20/6/2019. Phạt tiền bổ sung bị cáo Hoàng Trọng S số tiền 20.000.000 đồng.

- Căn cứ: Điều h khoản 4, 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Nguyễn Bảo Quỳnh D 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 20/6/2019. Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Bảo Quỳnh D số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 09-01-2020 bị cáo Hoàng Trọng S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15-01-2020 bị cáo Nguyễn Bảo Quỳnh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21-01-2020 bị cáo Nguyễn Xuân S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các bị cáo Nguyễn Xuân S, Hoàng Trọng S, Nguyễn Bảo Quỳnh D giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Luật sư Chế Giang S cho rằng mức hình phạt đối với bị cáo S là quá nghiêm khắc; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị xử phạt bị cáo mức án có thời hạn 20 năm tù là phù hợp.

Luật sư Lê Hữu Phúc cho rằng mức án sơ thẩm đối với bị cáo S là quá nặng; trong vụ án này bị cáo S chỉ là người đồng phạm của bị cáo S, thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của bị cáo S; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có vợ là D cũng là bị cáo trong cùng vụ án. Do vậy, luật sư đề nghị khi quyết định hình phạt cần phân hóa vai trò đồng phạm của bị cáo S, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn từ 18 đến 20 năm tù là phù hợp.

Luật sư Ông Quốc Cường cũng cho rằng mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo D là quá nặng; trong vụ án này số lượng ma túy mà bị cáo D phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức ở hành vi cất giữ và vận chuyển ma túy cho S và S là 117,979 gam ma túy, loại Methamphetamin và MDMA, 16,019 gam ma túy, loại Ketamine, thấp hơn rất nhiều so với số lượng ma túy mà S và S phải chịu trách nhiệm. Bản thân bị cáo là phụ nữ, là vợ của bị cáo S thực hiện hành vi lệ thuộc vào sự chi phối của Hoàng Trọng S; ngay sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đã tự nguyện, tự giác khai ra đồng phạm là bị cáo S; bị cáo D chỉ thật sự tham gia vận chuyển và cất giữ ma túy theo yêu cầu của S 1 lần, không tham gia mua bán; quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải; hợp tác với cơ quan điều tra giúp cho việc điều tra phá án được nhanh chóng; nhân thân chưa có tiền án tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó

khẩn, có chồng là S cũng là bị cáo trong cùng vụ án. Do vậy, luật sư đề nghị khi quyết định hình phạt cần phân hóa vai trò đồng phạm của bị cáo D, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới 20 năm tù là phù hợp.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội và tội danh: Trong khoảng thời gian từ tháng 2.2019 đến 20.6.2019, Nguyễn Xuân S đã 04 lần mua ma túy của các đối tượng: nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) ở quận S, thành phố Đà Nẵng và T (*không rõ lai lịch*) ở thành phố Hồ Chí Minh về đưa cho Hoàng Trọng S cất giấu rồi cùng bán lại kiếm lời. Bị cáo D là người chung sống như vợ chồng với bị cáo S, biết S mua bán ma túy nhưng vẫn giúp S vận chuyển và cất giấu số ma túy còn lại chưa bán hết. Cụ thể bị cáo S mua bán ma túy 04 lần với tổng số lượng 810,187 gam ma túy, loại Methamphetamin và MDMA, 16,019 gam ma túy loại Ketamine. Bị cáo S tham gia mua bán ma túy 03 lần với bị cáo S và chịu trách nhiệm số lượng 810,187 gam ma túy, loại Methamphetamin và MDMA, 16,019 gam ma túy loại Ketamine. Bị cáo D giúp sức cho bị cáo S thực hiện mua bán ma túy và phải chịu trách nhiệm số lượng 117,979 gam ma túy loại Methamphetamin và MDMA, 16,019 gam ma túy loại Ketamine. Bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo Nguyễn Xuân S, Hoàng Trọng S, Nguyễn Bảo Quỳnh D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo S, bị cáo là người chủ mưu trong vụ án, số lượng ma túy mà bị cáo mua bán là 826,206g; bị cáo phạm tội nhiều lần, có nhiều tiền sự và nhân thân xấu. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự khai ra các lần phạm tội trước đó. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt hình phạt Chung thân là phù hợp, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[2.2] Đối với bị cáo S là người thực hành tích cực trong vụ án, tổng số lượng ma túy mà bị cáo mua bán là 826,206g; bị cáo phạm tội nhiều lần. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự khai ra các lần phạm tội trước đó. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt hình phạt Chung thân, tại

phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[2.3] Bị cáo D với vai trò đồng phạm giúp sức ở hành vi cất giữ và vận chuyển ma túy cho S và S là 117,979 gam ma túy, loại Methamphetamin và MDMA, 16,019 gam ma túy loại Ketamine, đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải; hợp tác giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm khác, làm cho vụ án được nhanh chóng; nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Do số lượng ma túy mà bị cáo phạm tội ở mức đầu khung hình phạt, nên bản án sơ thẩm cũng đã đánh giá, nhận định và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: các Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

[4] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Xuân S, Hoàng Trọng S, Nguyễn Bảo Quỳnh D, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

2- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Xuân S tù Chung thân; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 21/6/2019.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân S số tiền 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Trọng S tù Chung thân; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 20/6/2019.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Hoàng Trọng S số tiền 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Bảo Quỳnh D 20 (*Hai mươi*) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 20/6/2019.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Bảo Quỳnh D số tiền 10.000.000 đồng.

3- Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Xuân S phải chịu 200.000 đồng; bị cáo Hoàng Trọng S phải chịu 200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Bảo Quỳnh D phải chịu 200.000 đồng.

4- Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV- C. an TPĐN
- Cơ quan CSTHAHSCông an thành phố ĐN;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa S, công an Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Long**